TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2019
V/v: *"Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phể.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Trần Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 213/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về việc: " Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án huyện Tuy An giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1977

HKTT: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T – sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị H có mặt, Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống bình thường đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Anh T thường xuyên uống rượu bia, không lo làm ăn, cuộc sống gia đình túng thiếu, chị có khuyên can thì Anh T đánh chị. Cảm thấy không thể chịu đựng được nữa nên năm 2006 Chị H bỏ về nhà chị gái ở khu phố 6, thị trấn H, huyện S sinh sống. Từ đó đến nay Chị H và Anh T không liên lạc với nhau, cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm không còn nên Chị H yêu cầu Tòa án cho ly hôn với Anh T.

Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim P– sinh ngày 08/5/1998, Nguyễn Thế P1– sinh ngày 02/3/2001 và Nguyễn Thị Bích N – sinh ngày 18/3/2003; hiện cháu P và cháu P1 đã trưởng thành nên Chị H không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với cháu N thì hiện đang sống với Anh T; nay ly hôn Chị H thống nhất giao cháu N cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích N – sinh ngày 18/3/2003 cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng các cháu Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thế P1đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Nguyễn Duy T trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc: "Xin ly hôn ". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1998 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống kinh tế gia đình túng thiếu nên năm 2006 Chị H bỏ về nhà chị gái ở khu phố 6, thị trấn H, huyện S sinh sống. Từ đó vợ chồng bỏ mặc nhau, không còn quan tâm đến nhau.

Như vậy tình trạng hôn nhân của Chị H, Anh T là trầm trọng do mâu thuẫn của vợ chồng và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H đối với Anh T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị H yêu cầu giao cháu Nguyễn Thị Bích N – sinh ngày 18/3/2003 cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, tại bản tự khai cháu N có nguyện vọng xin được ở với cha (Nguyễn Duy T), mặt khác tại các biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2019 của Tòa án, chị Nguyễn Thị H đều trình bày: Cháu Nguyễn Thị Bích N trước và hiện nay ở với cha và được Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho cháu, cần tiếp tục giao cháu N cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Anh T không có lời trình bày cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Đối với các cháu Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thế P1hiện nay đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu gì nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích N – sinh ngày 18/3/2003 cho anh Nguyễn Duy T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007464 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An;
- THADS huyện T;
- UBND xã A, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Phể